

## Thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội, năm 2019

Nguyễn Hằng Nguyệt Vân<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Khánh Huyền<sup>2</sup>, Vũ Thị Thanh Mai<sup>1</sup>, Phạm Quốc Thành<sup>2</sup>, Hoàng Văn Minh<sup>1</sup>, Dương Minh Đức<sup>1</sup>Tóm tắt

**Giới thiệu:** Sử dụng rượu bia (SDRB) ở lứa tuổi vị thành niên là một trong những vấn đề y tế công cộng nổi cộm của nhiều quốc gia trên thế giới. Hành vi sử dụng rượu bia là một trong những nguyên nhân chính gây ra bạo lực, chấn thương, các bệnh không lây và tử vong sớm.

**Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 3443 học sinh trung học phổ thông (THPT) nhằm mô tả thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của học sinh THPT tại Thành phố Hà Nội năm 2019 thông qua bảng hỏi tự điền.

**Kết quả:** 52,7% học sinh tham gia nghiên cứu đã từng SDRB, 36,3% học sinh tham gia nghiên cứu từng sử dụng rượu bia trước năm 13 tuổi, 31% học sinh SDRB trong 30 ngày qua. Nam giới, sống ở nội thành và có người thân/bạn bè uống rượu bia là những yếu tố nguy cơ có thể làm tăng tỷ lệ SDRB ở vị thành niên.

**Kết luận:** Nghiên cứu cung cấp thêm các bằng chứng về thực trạng SDRB ở học sinh THPT, từ đó nhấn mạnh việc đưa ra các chương trình, chính sách phù hợp giúp cho việc phòng chống tác hại rượu bia ở lứa tuổi vị thành niên.

**Từ khoá:** sử dụng rượu bia, học sinh, vị thành niên, Hà Nội

## Prevalence of alcohol use behavior among high school students in Hanoi capital, Vietnam, 2019

Nguyen Hang Nguyet Van<sup>1\*</sup>, Nguyen Thi Khanh Huyen<sup>2</sup>, Vu Thi Thanh Mai<sup>1</sup>, Pham Quoc Thanh<sup>1</sup>, Hoang Van Minh<sup>1</sup>, Duong Minh Duc<sup>1</sup>Abstract

**Abstract:** Adolescent alcohol use is one of the prominent public health problems of many countries around the world. Alcohol use is one of the main causes of violence, trauma, non-communicable diseases, and premature death.

**Methods:** A cross-sectional study was conducted on 3443 high school students to describe the prevalence of alcohol use among high school students in Hanoi capital, Vietnam in 2019 through a self-filled questionnaire.

**Results:** The prevalence of having ever drunk alcohol was 52.7%. Besides, 36.3% of students had their first drink before 13-year-old, 31% of students used alcohol during the past 30 days. Male,

*living in urban areas, and having family members or friends who drink alcohol were risk factors for an increase in adolescent alcohol use.*

**Conclusions:** *The study provides more evidences on the prevalence of alcohol use among high school students, thereby emphasizing the implementation of appropriate interventions and policies for the prevention of alcohol harm in adolescents.*

**Keywords:** *alcohol use, students, adolescents, Hanoi*

---

## Tác giả:

1: Trường Đại học Y tế công cộng

2: Viện Dân số sức khỏe và phát triển

### 1. Đặt vấn đề

Sử dụng rượu bia (SDRB) là một trong những vấn đề y tế công cộng nổi cộm trên thế giới. Theo thống kê trên thế giới có khoảng 3.1 tỷ người có sử dụng rượu bia<sup>1</sup>. Xu hướng này đang tăng lên trong giới trẻ nhất là các học sinh, sinh viên còn ngồi trên ghế nhà trường<sup>2</sup>. Theo thống kê của tổ chức y tế thế giới (WHO) năm 2016, tỷ lệ VTN 15-19 tuổi ở các quốc gia trên thế giới SRDB dao động từ 0,3%-72%. Những rủi ro từ việc uống rượu sớm, tiêu thụ thường xuyên và say rượu có tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm thần, sức khỏe thể chất và xã hội như thành tích học tập kém, bạo lực, tai nạn và chấn thương<sup>3</sup>. Tuy nhiên, ở nhiều quốc gia, kết quả khảo sát các trường học cho thấy VTN bắt đầu sử dụng rượu bia từ rất sớm, trước năm 15 tuổi<sup>1</sup>. Năm 2015, dự án đánh giá sử dụng đồ uống có cồn và thuốc (ESPAD) ở 35 quốc gia ở Châu Âu trên 96043 học sinh sinh có độ tuổi từ 15-16 tuổi cho thấy 79% học sinh có sử dụng đồ uống có cồn trong 1 năm qua, và 57% trong tháng qua và 39% sử dụng thường xuyên<sup>4</sup>.

Tại Việt Nam, tình trạng SDRB đang ở mức cao và tăng nhanh trong những năm qua. Theo

kết quả Điều tra quốc gia VTN và thanh niên Việt Nam năm 2009 (SAVYII) gần 80% nam và 36,5% nữ thanh thiếu niên trong độ tuổi 14-25 sử dụng rượu bia, tăng 10% ở nam giới và 8% ở nữ giới sau 5 năm. Khoảng 60,5% nam và 22% nữ thanh thiếu niên đã từng say<sup>5</sup>. Tuy nhiên, khảo sát hành vi sức khỏe học sinh phổ thông toàn cầu tại Việt Nam (GSHS) cho thấy tỷ lệ học sinh đã từng sử dụng rượu giảm đáng kể từ 52,73% năm 2013 xuống còn 44,33% vào năm 2019 (p=0,005)<sup>6</sup>. Tỷ lệ thanh thiếu niên đã từng say rượu bia cũng tương đối cao (60%) và tỷ lệ đã từng say trong nam giới cao gấp 3 lần nữ giới (22%)<sup>5</sup>. Dù vậy, không có mức độ uống nào là an toàn. Các bằng chứng khoa học cho thấy chỉ cần uống một lượng rất nhỏ rượu bia cũng có thể gây ra các nguy cơ và hậu quả sức khỏe<sup>3</sup>.

Như vậy, đối với thanh thiếu niên Việt Nam, hành vi sử dụng rượu bia đang ở mức báo động và ngày càng gia tăng. Hà Nội là một trong các thành phố phát triển kinh tế - xã hội dẫn đầu cả nước, nằm trong khu vực Đồng bằng sông Hồng là nơi có tỉ lệ trẻ em đi học cao nhất trong 6 vùng kinh tế của cả nước. Do đó, việc tìm

hiểu hành vi sử dụng rượu bia trên nhóm học sinh lớp 10, lớp 11 và 12 của các trường thuộc thành phố Hà Nội để đánh giá hành vi nguy cơ tới sức khoẻ của lứa tuổi vị thành niên là cần thiết và phù hợp.

Nghiên cứu này được thực hiện trên nhóm học sinh THPT tại TP Hà Nội với mục tiêu: 1) *Mô tả thực trạng sử dụng rượu bia và 2) Xác định một số yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng rượu bia ở học sinh THPT tại thành phố Hà Nội, năm 2019.*

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu:**

Học sinh đang theo học các cơ sở đào tạo hệ THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019.

**Tiêu chuẩn lựa chọn:** 1) ĐTNCC đang theo học lớp 10 đến lớp 12 tại các cơ sở đào tạo thuộc hệ THPT, có thể là trường công lập, dân lập, hoặc Trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) thuộc quản lý của Sở GD – ĐT Hà Nội, 2) có mặt tại thời điểm điều tra và đồng ý tham gia cung cấp thông tin cho nghiên cứu

### **2.2. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang**

### **2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu**

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 07/2019 đến tháng 05/2020.

Địa điểm: 15 trường Trung học phổ thông (THPT) tại 5 quận/huyện, Hà Nội (Cầu Giấy, Hoàn Kiếm, Chương Mỹ, Quốc Oai và Sóc Sơn)

### **2.4. Cỡ mẫu, cách chọn mẫu và tiêu chuẩn mẫu**

Công thức tính cỡ mẫu một tỷ lệ được áp dụng trong nghiên cứu này. Cỡ mẫu tối thiểu được tính là 1536 người. Với dự trừ 10% đối tượng

từ chối phỏng vấn, cỡ mẫu cần thiết cho mỗi loại hình địa bàn nghiên cứu xấp xỉ 1770 học sinh. Do nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu cụm (nội thành và ngoại thành) nên cỡ mẫu tổng cần điều tra cần khoảng 3550 học sinh THPT. Nghiên cứu tiến hành trên 5 quận/huyện được lựa chọn ngẫu nhiên (2 nội thành và 3 ngoại thành).

Các cơ sở đào tạo được lựa chọn ngẫu nhiên theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống từ danh sách trên 5 địa bàn quận/huyện được lựa chọn, nghiên cứu lựa chọn ngẫu nhiên 3 loại hình trường (công lập, dân lập, trung tâm giáo dục thường xuyên) trong mỗi địa bàn quận/huyện. Cỡ mẫu NC tương đương với khoảng 90 lớp (do trung bình số số của một lớp là khoảng 40 em) ở tại 15 cơ sở đào tạo hệ THPT. Như vậy, chúng tôi chọn mỗi trường 6 lớp phân bổ đều 2 lớp/khối. Tại mỗi trường, các lớp được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng, mỗi tầng là một khối lớp. Tại mỗi tầng có 2 lớp được lựa chọn theo phương pháp ngẫu nhiên đơn. Toàn bộ học sinh trong lớp đó được mời tham gia vào nghiên cứu. Tỷ lệ học sinh tham gia nghiên cứu là đạt 97%.

### **2.5. Phương pháp thu thập số liệu**

Nghiên cứu sử dụng bộ công cụ “Youth Risk Behavior Surveillance System” (YRBSS) đã được chuẩn hóa của Trung tâm phòng chống bệnh tật của Mỹ được dịch sang tiếng Việt bởi 2 chuyên gia của Trường Đại học Y tế công cộng. Các điểm không thống nhất khi dịch thuật được thảo luận với một chuyên gia thứ 3 và cả nhóm nghiên cứu. Bộ công cụ được thử nghiệm trên khoảng 30 đối tượng và được chỉnh sửa sau đó. Hành vi từng sử dụng rượu bia (SDRB) là đã

từng uống ít nhất một ly rượu/ cốc bia trong ít nhất 1 ngày trong cuộc đời.

Việc thu thập số liệu sử dụng máy tính tại các trường học với bộ công cụ được thiết kế trên nền tảng website (Kobotoolbox). Cán bộ điều tra hướng dẫn học sinh thực hiện trả lời bộ câu hỏi trên máy tính. Mỗi học sinh truy cập một máy tính và trả lời bộ câu hỏi độc lập. Cán bộ kỹ thuật hỗ trợ, giải thích trong quá trình học sinh trả lời cuộc điều tra. Cán bộ điều tra kiểm tra đảm bảo các học sinh hoàn thiện và gửi kết quả điều tra sau khi hoàn thành, đồng thời kiểm tra số lượng câu hỏi được gửi lên website kobotoolbox.org.

## 2.6. Phân tích số liệu

Dữ liệu sau khi được làm sạch thì xử lý và phân tích bằng phần mềm Stata phiên bản 14.0.

Các phân tích được thực hiện gồm: Phân tích thống kê mô tả thông tin chung, phân tích thống kê suy luận các yếu tố liên quan với hành vi sử dụng rượu bia dựa trên phân tích hồi quy logistic.

## 2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua hội đồng đạo đức của Trường Đại học Y tế công cộng theo quyết định số 400/2019/YTCC-HD3 trước khi triển khai thu thập số liệu.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1 trình bày các đặc điểm nhân khẩu học của các ĐTNCC chia theo quận nội thành và huyện ngoại thành của Hà Nội. Tổng số đối tượng tham gia vào nghiên cứu là 3443 học sinh đang học lớp 10 đến lớp 12 thuộc 15 trường thuộc 2 quận nội thành và 3 huyện ngoại thành

của thành phố Hà Nội (Cầu Giấy, Chương Mỹ, Hoàn Kiếm, Quốc Oai và Sóc Sơn). Phân bố số quận và huyện được chọn theo tỷ lệ quận và huyện hiện tại của thành phố Hà Nội. Vì vậy, tỷ lệ VTN tham gia vào nghiên cứu cũng được phân bố theo tỷ lệ 2 học sinh của quận nội thành : 3 học sinh của các huyện ngoại thành (tương ứng là 1327 : 2116).

**Bảng 3.1. Thông tin chung của ĐTNCC chia theo Quận/Huyện (n=3443)**

Đặc điểm	Quận nội thành		Huyện ngoại thành		Tổng	
	n	%	n	%	n	%
Tổng	1327	38,5	2116	61,5	3443	100
<i>Loại trường</i>						
Công lập	981	73,9	1005	47,5	1986	57,7
Dân lập	175	13,2	862	40,7	1037	30,1
GDTX	171	12,9	249	11,8	420	12,2
<i>Khối lớp</i>						
Khối 10	444	33,5	749	35,4	1193	34,7
Khối 11	455	34,3	731	34,6	1186	34,5
Khối 12	428	32,3	636	30,1	1064	30,9
<i>Giới</i>						
Nam	628	47,3	1,058	50,0	1686	49,0
Nữ	699	52,7	1058	50,0	1757	51,0
<i>Điểm trung bình học tập</i>						
Trung bình	163	13,7	459	25,5	622	20,8
Khá	810	68,3	1116	61,9	1926	64,4
Giỏi	213	18,0	228	12,6	441	14,8

Về loại trường, học sinh đang theo học tại các trường Giáo dục thường xuyên (GDTX) chiếm tỷ lệ ít nhất với 420 đối tượng hay 12,2% tổng số đối tượng tham gia, tiếp theo là học sinh thuộc các trường dân lập chiếm gần 1/3 (1037 đối tượng hay 30,1%).

Tỷ lệ nam và nữ được phân bố tương đối đều

trong các quận/huyện cũng như trong các khối lớp. Tương tự, tỷ lệ học sinh tham gia vào nghiên cứu cũng phân bố đều trong các khối lớp dù có sự khác biệt nhỏ khi học sinh lớp 12 chiếm thấp hơn với khoảng 31%. Học lực của các đối tượng được phân bố không đều giữa các trường tại các quận nội thành và các trường thuộc huyện ngoại thành. Cụ thể, tỷ lệ học sinh có học lực trung bình chiếm tới hơn 1/4 ở 9 trường thuộc các huyện ngoại thành và cao hơn gần gấp 2 so với tỷ lệ này ở học sinh thuộc 6 trường ở các quận nội thành (25,5% so với 13,7%). Tỷ lệ học sinh có học lực giỏi ở các quận nội thành cũng cao hơn so với các huyện ngoại thành (18,0% so với 12,6%).

### 3.2. Thực trạng sử dụng rượu bia ở học sinh THPT tại TP. Hà Nội

Hành vi sử dụng rượu bia theo đặc điểm của ĐTNCC được mô tả trong bảng 3.2. Có 1815 ĐTNCC từng SDRB tức là đã từng uống ít nhất một ly rượu/ cốc bia trong ít nhất 1 ngày trong cuộc đời, chiếm tỷ lệ 52,7% trong toàn bộ đối tượng nghiên cứu. Tỷ lệ đã từng uống rượu bia ở nam cao hơn (56,9%) so với nữ (48,7%). Có 36,3% học sinh tham gia nghiên cứu từng sử dụng rượu bia trước năm 13 tuổi. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ từng uống hết một cốc bia, rượu tăng lên theo độ tuổi với học sinh của khối lớp 12 (57,0%) uống nhiều hơn so với khối lớp 10 (49,0%). Tỷ lệ sử dụng rượu bia tại trường ở khu vực ngoại thành cao hơn nội thành (8,0% so với 5,5%), ở trường dân lập cao hơn trường công lập và giáo dục thường xuyên. Tỷ lệ từng SDRB trong 30 ngày qua của ĐTNCC là 31,0%. Đáng lưu ý hơn, tỷ lệ này gia tăng mạnh trong nhóm nữ giới, đặc biệt có tới hơn

1/4 nữ học sinh có SDRB trong 30 ngày qua trong nghiên cứu. Nhóm học sinh có học lực trung bình cũng là nhóm có tỷ lệ SDRB nói chung và SDRB trong 30 ngày qua cao nhất.

**Bảng 3.2. Hành vi sử dụng rượu bia theo đặc điểm của học sinh THPT tham gia nghiên cứu**

Đặc điểm	Từng SDRB	Từng SDRB dưới 13 tuổi	Có SDRB tại trường	Có SDRB trong 30 ngày qua
<i>Chung</i>				
Tổng (Σ)	3443	1816	965	966
n (%)	1815 (52,7%)	659 (36,3%)	68 (7,1%)	299 (31,0%)
<i>Giới</i>				
Nam	959 (56,9%)	338 (35,3%)	46 (8,4%)	192 (34,9%)
Nữ	856 (48,7%)	321 (37,5%)	22 (5,3%)	107 (25,8%)
<i>Loại trường</i>				
Công lập	1076 (54,2%)	463 (43,0%)	30 (5,8%)	120 (23,0%)
Dân lập	517 (49,9%)	149 (28,8%)	29 (9,2%)	122 (38,5%)
GDTX	222 (52,9%)	47 (21,2%)	9 (7,1%)	57 (44,9%)
<i>Khối lớp</i>				
Khối 10	584 (49,0%)	252 (43,2%)	22 (7,9%)	72 (25,6%)
Khối 11	625 (52,7%)	236 (37,8%)	24 (7,1%)	117 (34,7%)
Khối 12	606 (57,0%)	171 (28,2%)	22 (6,3%)	110 (31,6%)

Đặc điểm	Từng SDRB	Từng SDRB dưới 13 tuổi	Có SDRB tại trường	Có SDRB trong 30 ngày qua
<i>Điểm TB học tập</i>				
Trung bình	355 (57,1%)	105 (29,5%)	18 (7,9%)	93 (40,6%)
Khá	1021 (53,0%)	385 (37,7%)	28 (5,3%)	137 (26,2%)
Giỏi	210 (47,6%)	90 (42,9%)	17 (18,1%)	31 (33,0%)
<i>Khu vực</i>				
Nội thành	791 (59,6%)	359 (45,4%)	20 (5,5%)	89 (24,5%)
Ngoại thành	1024 (48,4%)	300 (29,3%)	48 (8,0%)	210 (34,9%)
<i>Được phép uống rượu/bia tại nhà</i>				
Không	797 (37,8%)	194 (24,3%)	28 (8,1%)	96 (27,8%)
Có	1018 (76,6%)	465 (45,7%)	40 (6,4%)	203 (32,7%)
<i>Người chăm sóc có uống rượu bia</i>				
Không	604 (43,8%)	174 (28,8%)	30 (9,2%)	111 (34,1%)
Có	1210 (58,7%)	485 (40,1%)	37 (5,8%)	187 (29,3%)
<i>Bạn bè có uống rượu bia</i>				
Không	659 (39,6%)	228 (34,6%)	18 (6,8%)	72 (27,1%)
Có	1156 (65,2%)	431 (37,3%)	50 (7,1%)	227 (32,4%)

Đặc điểm	Từng SDRB	Từng SDRB dưới 13 tuổi	Có SDRB tại trường	Có SDRB trong 30 ngày qua
*Tính trong nhóm từng sử dụng bia rượu				
*SDRB: Sử dụng rượu bia, LDRB: Lạm dụng rượu bia				

### 3.3. Một số yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng rượu bia ở học sinh THPT tại Hà Nội

Bảng 3.3 trình bày kết quả phân tích của mô hình hồi quy logistic đa biến thể hiện các yếu tố liên quan với dẫn tới hành vi từng sử dụng rượu bia ở học sinh THPT tham gia nghiên cứu. Các yếu tố nguy cơ dẫn dẫn tới việc có Hành vi sử dụng rượu bia ở học sinh THPT là *nam giới, được phép uống rượu bia tại nhà, người chăm sóc có uống rượu bia, có bạn bè có uống rượu và sống ở nội thành.*

**Bảng 3.3. Mô hình hồi quy logistic thể hiện yếu tố liên quan với Hành vi sử dụng rượu bia ở học sinh THPT**

Biến độc lập	Hệ số hồi quy (B)	SE	95% CI		p
			Thấp	Cao	
Giới (Nam/Nữ)	-0,365	0,084	-0,529	-0,201	0,000***
<i>Loại trường (Công lập)</i>					
Dân lập	0,063	0,099	-0,131	0,257	0,526
GDTX	0,060	0,137	-0,210	0,329	0,665
Khối (Khối 10)					
Khối 11	-0,031	0,099	-0,226	0,163	0,753
Khối 12	0,116	0,102	-0,085	0,316	0,258
<i>Điểm trung bình học tập (Trung bình)</i>					
Khá	-0,162	0,109	-0,375	0,050	0,134
Giỏi	-0,332	0,144	-0,614	-0,050	0,021*
Được phép uống rượu/ bia tại nhà (Không/Có)	1,472	0,088	1,300	1,644	0,000***
Người chăm sóc có uống rượu bia (Không/Có)	0,356	0,086	0,187	0,524	0,000***
Bạn bè có uống rượu bia (Không/Có)	0,747	0,083	0,584	0,910	0,000***
Khu vực (Nội thành/ Ngoại thành)	-0,322	0,088	-0,494	-0,149	0,000***
a: nhóm so sánh					
*** p<0,01, ** p<0,05, * p<0,1					

#### 4. Bàn luận

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ học sinh từng SDRB chiếm tỷ lệ 52,7% trong toàn bộ đối tượng nghiên cứu. Tỷ lệ đã từng uống rượu bia ở nam cao hơn (56,9%) so với nữ (48,7%). Tỷ lệ SDRB này gần tương đương với vị thành niên trong điều tra 2017 tại Mỹ (60,4%)<sup>7</sup> và cao hơn so với VTN trong điều tra năm 2015 tại Thái Lan<sup>8</sup>. So với các nghiên cứu trước đây với vị thành niên và thanh niên tại Việt Nam, việc uống rượu,

bia của VTN trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nhiều so với tỷ lệ uống rượu bia trong VTN tuổi 14-17 ở SAVY 1 năm 2003 (34,9%) và SAVY 2 năm 2008 (47,5%)<sup>5</sup>. Tỷ lệ này cũng cao hơn so với khảo sát hành vi sức khỏe học sinh phổ thông toàn cầu tại Việt Nam (GSHS) với tỷ lệ học sinh đã từng sử dụng rượu là 52,73% năm 2013 và 44,33% vào năm 2019<sup>6</sup>. Sự khác biệt này có thể do sự khác nhau về địa bàn, chọn mẫu hay bộ công cụ đo lường của mỗi nghiên cứu.

Cụ thể, trong nghiên cứu của chúng tôi về tỷ lệ SDRB của nam học sinh còn cao hơn 10 điểm phần trăm so với nam học sinh của khảo sát GSHS 2019 (46,4%), tỷ lệ này ở nữ học sinh cũng cao hơn so với khảo sát GSHS được tiến hành cùng năm<sup>6</sup>. Kết quả này có thể lý giải là do khảo sát GSHS tiến hành trên ĐTNV bao gồm cả học sinh lớp 8,9, 10, 11 và 12, nên có thể hành vi sử dụng rượu bia thấp hơn ở nhóm học sinh lớp thấp hơn. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ từng uống hết một cốc bia, rượu tăng lên theo độ tuổi với học sinh của khối lớp 12 (57,0%) uống nhiều hơn so với khối lớp 10 (49,0%).

Có 36,3% học sinh tham gia nghiên cứu của chúng tôi từng sử dụng rượu bia trước năm 13 tuổi, tỷ lệ này thấp hơn so với kết quả tại khảo sát GSHS 2013 (43,9%) và GSHS 2019 (52,9%)<sup>6</sup>. Tỷ lệ từng SDRB trong 30 ngày qua của VTN là 31,0%, cao hơn so khảo sát YRBSS tại Mỹ (29,8%)<sup>7</sup>, cao hơn tại Thái Lan (22,2%)<sup>8</sup>, và cao hơn nhiều so với một số nghiên cứu ở Việt Nam như khảo sát GSHS 2013 (24,86%) và GSHS 2019 (22,37%)<sup>6</sup>. Đáng lưu ý hơn, tỷ lệ này gia tăng mạnh trong nhóm nữ giới, đặc biệt có tới hơn 1/4 nữ VTN có SDRB trong 30 ngày qua trong nghiên cứu của chúng tôi. Nhóm học sinh có học lực kém nhất cũng là nhóm có tỷ lệ SDRB nói chung và SDRB trong 30 ngày qua cao nhất. Vì thế, có thể kết luận rằng có sự gia tăng nhanh chóng việc SDRB trong nhóm tuổi trẻ gồm cả VTN và thanh niên Việt Nam trong thập kỷ qua.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách giảm tỷ lệ SDRB như nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và nhiều chế tài đối với các hành vi vi phạm quy định bán rượu bia cho trẻ em dưới 18 tuổi. Tuy vậy, cần phải tiếp tục thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các chính sách này. Đại bộ phận VTN và thanh niên xác nhận rằng rất dễ dàng mua rượu bia tại nơi họ cư trú. Cùng với văn hóa ủng hộ và chấp nhận việc uống bia rượu của người Việt, rõ ràng những yếu tố này tác động làm gia tăng hành vi uống rượu bia của VTN và thanh niên.

Về một số yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng rượu bia ở học sinh, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra nam giới có nguy cơ SDRB cao hơn nhiều so với nữ giới<sup>9,10</sup>. Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh trong nghiên cứu sử dụng rượu bia ở quận nội thành cao hơn so với ngoại thành, Kết quả này không phù hợp với thực trạng sử dụng rượu bia ở ngoại thành/ nông thôn thường vào hơn và phổ biến hơn thành thị ở Việt Nam<sup>4</sup>. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng hoàn toàn tương đồng với các nghiên cứu trước đây chỉ ra gia đình và bạn bè là yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng rượu bia ở VTN<sup>11,12</sup>. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Hoàng Văn Huỳnh cũng cho thấy, VTV&TN có bố thường xuyên SDRB hàng ngày hoặc nghiện rượu có nguy cơ SDRB cao gấp 2,6 lần so với người không có, tương tự như vậy, VTV&TN có bạn thường xuyên SDRB hàng ngày hoặc nghiện rượu có nguy cơ SDRB cao gấp 5,1 lần so với người không có<sup>9</sup>.

## 5. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu được thực hiện trên đối tượng học sinh THPT tại thành phố Hà Nội năm 2019 đã chỉ ra có 52,7% học sinh đã từng sử dụng rượu bia. Nam giới, sống ở nội thành và có người



thân/bạn bè uống rượu bia là những yếu tố nguy cơ có thể làm tăng tỷ lệ SDRB ở vị thành niên.

Nghiên cứu một lần nữa nhấn mạnh việc cần thực hiện nghiêm túc những quy định quan trọng trong Luật phòng chống tác hại rượu bia năm 2019 liên quan đến rượu bia và thanh thiếu niên, đó là: nghiêm cấm người chưa đủ 18 tuổi uống rượu bia, nghiêm cấm bán, cung cấp khuyến mại rượu bia cho người chưa đủ 18 tuổi. Đặc biệt cần có các can thiệp cho nữ giới khi tỷ lệ sử dụng rượu bia và thuốc lá trong nhóm này đang tăng mạnh. Bên cạnh đó, gia đình và nhà trường cần đóng vai trò là yếu tố bảo vệ đối với hành vi sử dụng rượu bia ở lứa tuổi này.

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Global status report on alcohol and health 2018. Published online 2018.
2. Francis JM, Grosskurth H, Changalucha J, Kapiga SH, Weiss HA. Systematic review and meta-analysis: prevalence of alcohol use among young people in eastern Africa. *Trop Med Int Health*. 2014;19(4):476-488. doi:10.1111/tmi.12267
3. World Health Organization Regional Office for the Western Pacific. *Hỏi Đáp về Phòng Chống Tác Hại Của Rượu Bia.*; 2019.
4. European Monitoring Centre for Drugs and Drugs Addiction. *ESPAD Report 2015: Results from the European School Survey Project on Alcohol and Other Drugs.*; 2015. Accessed May 5, 2020. <http://www.espad.org/report/summary>
5. Bộ y tế. Điều tra quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên (SAVY) 2009. Published online 2009.
6. WHO. *The 2019 school-based student health survey in Vietnam (GSHS 2019).*; 2019.
7. Results | YRBSS | Data | Adolescent and School Health | CDC. Published June 13, 2018. Accessed January 21, 2019. <https://www.cdc.gov/healthyyouth/data/yrbs/results.htm>
8. Thailand Global School-Based Student Health Survey 2015 | GHDx. Accessed April 30, 2020. <http://ghdx.healthdata.org/record/thailand-global-school-based-student-health-survey-2015>
9. Hoàng Văn Huỳnh. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng rượu, bia của vị thành niên và thanh niên trên địa bàn Chilibab huyện Chí Linh – Tỉnh Hải Dương. Published online 2007.
10. Francis JM, Grosskurth H, Changalucha J, Kapiga SH, Weiss HA. Systematic review and meta-analysis: prevalence of alcohol use among young people in eastern Africa. *Trop Med Int Health*. 2014;19(4):476-488. doi:10.1111/tmi.12267
11. Gossrau-Breen D, Kuntsche E, Gmel G. My older sibling was drunk - younger siblings' drunkenness in relation to parental monitoring and the parent-adolescent relationship. *J Adolesc*. 2010;33(5):643-652. doi:10.1016/j.adolescence.2009.11.006
12. Kuntsche EN, Kuendig H. What is worse? A hierarchy of family-related risk factors predicting alcohol use in adolescence. *Subst Use Misuse*. 2006;41(1):71-86. doi:10.1080/10826080500368694